

**THỜI KHÓA BIỂU**  
**HỆ CAO ĐẲNG NĂM HỌC: 2023-2024\_HK1\_KHÓA 23\_ĐỢT 3**  
*(Thực hiện từ ngày 14/8/2023 đến 12/11/2023)*

TT	Mã HP	Tên Học phần	Số tín chỉ	Số tiết	Tên nhóm HP	Họ tên giảng viên	SL SV tối đa	Thứ	Buổi	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Tiết bắt đầu	Tiết kết thúc	Số tiết / buổi	Phòng	Lớp	Ngành
1	MH502001	Giáo dục thể chất	2	60	025_GDTC_HK1_2324_CD23.N6	Lê Thị Tuyết Nhung		Sáu	Sáng	18/08/2023	10/11/2023	1	5	5	Trệt B	CD23TT1	TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN
2	MH502002	Giáo dục Chính trị	4	75	025_GDCT_HK1_2324_CD23.N6	Phạm Thị Hoà		Năm	Sáng	17/08/2023	19/10/2023	1	4	4	A.202		
						Phạm Thị Hoà		Sáu	Chiều	18/08/2023	13/10/2023	7	10	4	A.202		
3	MH502143	Kỹ năng mềm 1	2	45	025_KNM1_HK1_2324_CD23.N6	Hà Thị Thu Phương		Hai	Chiều	14/08/2023	09/10/2023	7	11	5	A.202		
4	MĐ501001	Tin học	3	15	501_TH_HK1_23-24_CD23CM.TT	Dương Quang Huy	30	Hai	Sáng	14/8/2023	11/9/2023	1	3	3	A.302		
				60		Phạm Đào Minh Vũ		Tư	Chiều	16/8/2023	1/11/2023	7	11	5	B.103		

**Ghi chú:**

Thời gian tổ chức giảng dạy, học tập của nhà trường quy định cụ thể:

- Quy định giờ học lý thuyết và thực hành là **45 phút**.
- Phân bổ số tiết học trong ngày như sau:

Ca 1: Buổi sáng	
Tiết	Thời gian
1	7h00 - 7h45
2	7h45 - 8h30
3	8h30 - 9h15
Ra chơi 15 phút	
4	9h30 - 10h15
5	10h15 - 11h00
6	11h00 - 11h45

Ca 2: Buổi chiều	
Tiết	Thời gian
7	13h00 - 13h45
8	13h45 - 14h30
9	14h30 - 15h15
Ra chơi 15 phút	
10	15h30 - 16h15
11	16h15 - 17h00
12	17h00 - 17h45

Ca 3: Buổi tối	
Tiết	Thời gian
13	18h00 - 18h45
14	18h45 - 19h30
15	19h30 - 20h15
16	20h15 - 21h00

**Lưu ý:**

\* **Danh sách:** Trường hợp sinh viên nhập học muộn, chưa có tên trong danh sách điểm danh lớp, điểm danh của giảng viên, phòng Đào tạo sẽ bổ sung sau.

\* **Cách xem thời khóa biểu:**

- Xem cột "**Tên học phần**" để biết tên và số môn học phải học trong học kỳ;
- Xem cột "**Thứ**" để biết số ngày học trong tuần và số ca học trong ngày;
- Xem cột "**Tiết bắt đầu**", "**Tiết kết thúc**" để biết số tiết bắt đầu và kết thúc của ca học;

\* **Cách xem vị trí phòng học:**

Xem cột "**Phòng**" để biết vị trí phòng học của ca học đó. Ví dụ: **B.603**

- Dãy nhà: **A** (Dãy nhà trước, phòng lý thuyết); **B** (Dãy nhà sau, phòng thực hành)
- Tầng: **6**
- Phòng học: **6.03** (Tên phòng học: **B 6.03**)

\* **Cách xem thông tin sinh viên, thông tin lớp học:**

<http://dkhp.itc.edu.vn/TraCuuThongTin.aspx> -> Nhập mã SV -> Chọn [Xem điểm/học phí]